

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC TIỄN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI

1. Thực trạng tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự thương mại đối với các nước có hiệp định tương trợ tư pháp đối với Việt Nam

Hiện nay tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia khác mà Việt Nam đã có hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề này còn nhiều hạn chế. Điều này trước hết thể hiện ở số lượng các yêu cầu, chưa được giải quyết triệt để, số kết quả chưa tương xứng với số yêu cầu được gửi đi và ngược lại cũng như thời gian thực hiện các yêu cầu còn rất chậm. Hoặc là có hiệp định nhưng cá biệt có những nước từ năm 2008 đến nay không phát sinh yêu cầu qua lại nào là qua kênh hiệp định đó là: Mông Cổ, Triều Tiên, Cuba, Bungari và Angiêri mới có hiệu lực năm 2010.

Ngoài ra điều khoản về ngôn ngữ trong một số hiệp định đôi khi cũng cản trở hoặc làm chậm việc thực hiện hồ sơ ủy thác ở các cơ quan trực tiếp thực hiện. Điển hình là quy định trong thỏa thuận giữa Văn phòng kinh tế và văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng kinh tế và văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự: "Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và các vấn đề kèm theo được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận này phải gửi kèm theo bản dịch có chứng thực một cách hợp thức ra ngôn ngữ chính thức của bên được yêu cầu hoặc ra tiếng Anh khi nhận được hồ sơ yêu cầu không được viết bằng tiếng Anh cơ quan thẩm quyền của Việt Nam trả lại hồ sơ cho Bộ tư pháp và đề nghị phía Đài loan (Trung Quốc) dịch sang Tiếng Việt vì các cán bộ được giao thực hiện trực tiếp các yêu cầu không biết Tiếng Anh. Đây là trường hợp phía bạn thực hiện theo đúng thỏa thuận giữa hai bên nhưng do năng lực cán bộ trong nước còn chưa đáp ứng yêu cầu gây ách tắc trong quá trình thực hiện. Liên quan đến những trường hợp như vậy, Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm dịch hồ sơ cũng như kinh phí dịch đối với tài liệu này.

Bên cạnh đó nhiều yêu cầu ủy thác về dân sự, thương mại bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các quốc gia có hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam trả lại do sai địa chỉ người nhận hoặc không có bản dịch theo ngôn ngữ chính thức của quốc gia được yêu cầu. Trong khi đó một số trường hợp xác định địa chỉ chính xác của đương sự cần ủy thác ở nước ngoài cũng là vấn đề tương

đôi khó khăn đối với cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam ở nước ngoài, vì địa chỉ của họ thường hay thay đổi hoặc nhiều đương sự không chịu hợp tác đối với cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra độ bao phủ của các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp đối với nhà nước Việt Nam thực sự có nhu cầu còn chưa nhiều. Trong tổng số 14.842 hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại Việt Nam gửi ra nước ngoài trong sáu năm (từ tháng 01-2008 đến tháng 06-2014) số hồ sơ gửi đi các nước đang có hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với Việt Nam chỉ là 1.229 hồ sơ (chiếm gần 8,3% tổng số hồ sơ); gửi đi các nước chưa có hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam là 13.613 yêu cầu (chiếm khoảng 97,7% tổng số hồ sơ). Thêm vào đó tính đến năm 2014, Luật tương trợ tư pháp năm 2007 đã có hiệu lực được sáu năm nhưng số lượng các hiệp định tương trợ tư pháp song phương riêng lẻ được đàm phán mới không nhiều: ba hiệp định/thỏa thuận có hiệu lực (Với Angieri, Campuchia và lãnh thổ Đài loan); một hiệp định đã ký chưa có hiệu lực do hai bên chưa hoàn tất thủ tục trao đổi văn kiện phê chuẩn (với Ca dắc xtan) và hai hiệp định đang đàm phán (với Đại Hàn Dân Quốc, liên hiệp vương quốc Anh và Bắc Ailen)

2. Tình hình thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại:

Trên nguyên tắc tôn trọng chủ yếu quyền quốc gia, việc thực hiện các ủy thác tư pháp được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ quốc gia được yêu cầu. Nói cách khác, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam (chủ yếu là các cơ quan tư pháp và tòa án) thực hiện các hoạt động ủy thác tư pháp theo các yêu cầu cụ thể. Khi cơ quan tư pháp trong nước hoặc nước ngoài giải quyết các vụ việc dân sự, thương mại cụ thể có yếu tố nước ngoài liên quan đến công dân hoặc cơ quan, tổ chức Việt Nam thì các cơ quan tư pháp khó có thể giải quyết được các vụ việc một cách trọn vẹn nếu không có sự hỗ trợ của cơ quan tư pháp của Việt Nam hay nước ngoài hoặc hữu quan thông qua các thực hiện ủy thác tư pháp liên quan. Giả sử các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hay cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (vì lí do nào đó) từ chối thực hiện ủy thác thì rất có thể vụ việc có liên quan đến công dân Việt Nam, công dân nước ngoài sẽ không được giải quyết phù hợp với pháp luật cả hai nước. Nói cách khác, trong trường hợp này quyền và lợi ích chính đáng của các bên sẽ có thể sẽ không được bảo đảm một cách khách quan và rất có thể các quyền hợp pháp của công dân Việt Nam cũng không được bảo đảm. Do đó, việc tòa án và các cơ quan tư pháp Việt

Nam và nước ngoài thực hiện ủy thác tư pháp theo yêu cầu của phía Việt Nam hoặc nước ngoài, là việc cần thiết nhằm bảo vệ, trước hết là quyền lợi của công dân Việt Nam trong vụ việc đó. Đồng thời qua đó góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước, cũng như góp phần khuyến khích chủ thể của pháp luật tham gia ngày một nhiều vào quan hệ dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài, với sự yên tâm, tin tưởng rằng tranh chấp pháp sinh giữa họ (nếu có) sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng, thông qua sự trợ giúp hữu hiệu của hoạt động tương trợ tư pháp. Chính vì vậy, hiệp định tương trợ tư pháp và pháp luật trong nước của các bên là cơ sở pháp lý cho Việt Nam và nước ký kết yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp dân sự, thương mại của nhau. Tuy nhiên, hiệp định tương trợ tư pháp vẫn là cơ sở pháp lý ưu tiên trong quan hệ tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và quốc gia khác.

Thực tiễn thực hiện các hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại trong thời gian qua cho thấy, các ủy thác tư pháp về dân sự thương mại do Việt Nam gửi đến nước ký kết (ủy thác tư pháp ra) cũng như các ủy thác tư pháp của nước ký kết gửi đến Việt Nam (ủy thác tư pháp vào) thường bao gồm:

- Các ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng tòa án cho đương sự giấy triệu tập, bản án, quyết định của Tòa án hay giấy tờ khác.

- Các ủy thác tư pháp về thu nhập chứng cứ: lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, xác minh thu nhập, xác minh địa chỉ, xác minh tài khoản, trưng cầu giám định pháp y.

- Xác minh giấy tờ về hộ tịch: giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh.

Để thực hiện các ủy thác tư pháp của nhau một cách thuận lợi, các hiệp định quy định về hồ sơ yêu cầu, ngôn ngữ thực hiện ủy thác tư pháp.

Về hồ sơ yêu cầu, các hiệp định đều quy định hồ sơ phải có văn bản yêu cầu thực hiện sự ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại (“mutual judicial assistance request”) trong đó nêu rõ tên, địa chỉ cơ quan yêu cầu, họ tên, năm sinh, giới tính của người được yêu cầu, nội dung yêu cầu, các văn bản, tài liệu tố tụng cần được tổng đạt hoặc các giấy tờ, tài liệu cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu. Số lượng hồ sơ gửi cho nước được yêu cầu là hai bộ.

Về ngôn ngữ, các hiệp định yêu cầu quy định ngôn ngữ tương trợ tư pháp nói chung và ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại nói riêng là ngôn ngữ của

nước được yêu cầu, ngoài ra các nước ký kết có thể sử dụng ngôn ngữ của nước thứ ba. Đối với các hiệp định được ký kết trong giai đoạn trước khi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 có hiệu lực đặc biệt là các hiệp định với các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa thì ngôn ngữ nước thứ ba được lựa chọn là tiếng Nga. Còn đối với hiệp định với Pháp, Trung Quốc và các hiệp định được ký kết thời gian gần đây thì ngôn ngữ có thể sử dụng là tiếng Anh.

Về trách nhiệm xác minh địa chỉ của đương sự, theo quy định của hiệp định (phần lớn là các hiệp định ký với các nước xã hội chủ nghĩa) cơ quan yêu cầu phải có trách nhiệm tìm mọi cách xác minh địa chỉ của đương sự trong trường hợp địa chỉ yêu cầu không đúng (Hiệp định với Ba Lan, Lào, Hunggari, v.v.). Có thể nói, quy định này thể hiện được đúng ý nghĩa của việc tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động tố tụng, giải quyết các vụ việc dân sự, đảm bảo 100% các ủy thác tư pháp được thực hiện một cách có hiệu quả.

Trong giai đoạn từ năm 1980 đến trước năm 2007, mặc dù chúng ta còn thiếu văn bản pháp luật tương trợ tư pháp, song trên cơ sở các quy định của hiệp định về tương trợ tư pháp về dân sự thương mại, các cơ quan của Việt Nam đã có gắng thực hiện tốt công việc ủy thác tư pháp theo yêu cầu của nhà nước mà Việt Nam đã ký hiệp định tương trợ tư pháp. Đến giai đoạn từ năm 2008 đến nay, thực tế là các hồ sơ ủy thác tư pháp từ những nước ký kết hiệp định không quá lớn nhưng gia tăng hàng năm, nếu như những năm 2008, 2009, số lượng các ủy thác tư pháp dân sự, thương mại bao gồm các ủy thác tư pháp ra và ủy thác tư pháp vào khoảng 100 hồ sơ/năm, trong những năm 2011 là 128 hồ sơ và năm 2012 là 581 hồ sơ, thì năm 2013 là 818 hồ sơ.

Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các hiệp định cần xem xét từ việc thực hiện các quy định về lập hồ sơ, ngôn ngữ, quy định về xác minh địa chỉ đương sự và tình hình thực hiện các yêu cầu tiếp nhận cụ thể:

a) Thực hiện các quy định về hồ sơ ủy thác tư pháp:

Thực hiện chức năng cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại Bộ tư pháp Việt Nam có nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ, qua thực tế thực thi các hiệp định trong thời gian qua có thể đưa ra những nhận xét:

- Đối với hồ sơ ủy thác tư pháp ra, do các quy định của hiệp định đã được nội luật hóa thành các quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007, thông tư

liên tịch số 15/2011/TTLT/BTP-BNG-TANDTC ngày 15-11-2011 của Bộ tư pháp, Bộ ngoại giao, tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (bao gồm cả thương mại) của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 nên các hồ sơ yêu cầu của Việt Nam để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của hiệp định nên không xảy ra tình trạng Bộ tư pháp nước được yêu cầu trả lại hồ sơ do thiếu hoặc không phù hợp quy định tương ứng của hiệp định.

- Đối với hồ sơ ủy thác tư pháp vào, nhìn chung các hồ sơ của nước yêu cầu đều thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn xảy ra trường hợp hồ sơ không đủ bộ theo quy định hay thiếu văn bản yêu cầu, hay hồ sơ không gửi kèm bản dịch Tiếng Việt hoặc bản dịch ngôn ngữ của nước thứ ba theo quy định của hiệp định. Nước thường mắc lỗi này là Trung Quốc, Pháp. Có thể chỉ ra nguyên nhân của tình trạng này là do Pháp áp dụng Điều 15 Hiệp định, theo đó cơ quan có thẩm quyền của Pháp (các văn phòng thừa phát lại, tòa án địa phương) có thể gửi trực tiếp hồ sơ cho Bộ tư pháp Việt Nam mà không thông qua Bộ tư pháp (Pháp) nên có nhiều cơ quan có thẩm quyền của Pháp không nắm được các quy định của hiệp định.

b) Ngôn ngữ:

Hiện nay ngôn ngữ liên lạc, trao đổi cơ quan trung tâm của các nước thường là Tiếng Anh cho dù các hiệp định ký của gia đoạn trước đây quy định ngôn ngữ của nước được yêu cầu là tiếng Nga/ Pháp. Tuy thực tế này không phù hợp với hiệp định nhưng tiếng Anh được coi là ngôn ngữ chuẩn quốc tế, do vậy việc sử dụng tiếng Anh tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan trung ương nên các bên đều chấp nhận và không từ chối thực hiện.

c) Thực hiện quy định về xác minh địa chỉ của đương sự trong trường hợp địa chỉ được cung cấp không chính xác:

Như đã đề cập ở trên quy định này của các hiệp định thể hiện sự hợp tác toàn diện giữa các cơ quan tư pháp của nhà nước ký kết bảo đảm cho các yêu cầu ủy thác tư pháp được thực hiện có kết quả. Tuy vậy trên thực tế quy định này dường như không được Việt Nam ký kết thực hiện. Qua theo dõi các kết quả liên quan đến hồ sơ ủy thác tư pháp ra và hồ sơ ủy thác tư pháp vào được tòa án hoặc cơ quan tư pháp có thẩm quyền hai bên gửi lại Bộ Tư pháp do địa chỉ của tư pháp không chính xác, Bộ tư pháp thấy rằng, Tòa án cơ quan tư pháp có thẩm

quyền mới chỉ xác minh địa chỉ và thông tin liên quan tới đương sự tại cơ quan công an, chính quyền địa phương, hoặc cơ quan quản lý hộ tịch chứ chưa thể hiện việc các cơ quan này “*thực hiện những biện pháp cần thiết nhằm xác định địa chỉ đúng*” theo quy định của các hiệp định (Điều 8 hiệp định với Ba Lan, Điều 7 hiệp định với Liên Bang Nga). Có thể thấy đối với Việt Nam việc xác minh nơi ở của đương sự rất khó thực hiện do vấn đề quản lý công dân của chúng ta còn chưa chặt chẽ, trong khi ở nước ngoài, vấn đề này được điện tử hóa, do vậy, trường hợp địa chỉ của đương sự chưa được chính xác, chỉ cần cung cấp thêm hộ chiếu, số điện thoại hay mã định danh công dân thì có thể xác định chính xác được nơi sinh sống của đương sự. Hiện nay, các yêu cầu ủy thác tư pháp với lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) đang thực hiện theo hướng cung cấp thêm các thông tin về đương sự (số hộ chiếu, điện thoại, thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc...) để cơ quan tư pháp của Đài Loan (Trung Quốc) có thể thực hiện ủy thác tư pháp hiệu quả và dễ dàng hơn.

d) Thực hiện các hồ sơ ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại quốc tế:

Về thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp, số lượng các yêu cầu về ủy thác tư pháp dân sự, thương mại có kết quả tăng lên trong từng năm qua đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan tư pháp trong và ngoài nước xử lý các vụ việc đúng pháp luật, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức liên quan, mang lại những đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ trật tự an ninh và ổn định tình hình xã hội, củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. Đồng thời, các chủ thể của các quan hệ pháp luật sẽ yên tâm hơn khi tham gia vào các giao dịch dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài bởi lẽ nếu phát sinh tranh chấp liên quan thì tranh chấp đó sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng thông qua sự trợ giúp hữu hiệu từ kênh tương trợ tư pháp.

Các ủy thác tư pháp dân sự gồm tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự, triệu tập người làm chứng, người giám định, thu nhập, cung cấp chứng cứ và các yêu cầu về dân sự, trong đó tổng đạt văn bản tố tụng tòa án cho đương sự như giấy triệu tập, bản án, quyết định của tòa án hay các giấy tờ, tài liệu khác. Đây là loại yêu cầu chiếm tỉ lệ lớn, khoảng 70% số lượng ủy thác tư pháp. Sở dĩ loại yêu cầu này chiếm số lượng lớn là do đối với một vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, Tòa án cần tổng đạt nhiều lần các

văn bản tố tụng cho đương sự. Theo pháp luật tố tụng Việt Nam thì khi ra bất kỳ thông báo nào Tòa án cũng phải tổng đạt cho đương sự, từ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc hòa giải, cho đến thông báo xét xử. Hiện nay, để giảm thiểu tối đa việc ủy thác tư pháp, một số tòa án thường thông báo cho các đương sự lộ trình của việc giải quyết vụ việc như Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Đồng Nai, v.v...

Các quy định của hiệp định có mục đích ràng buộc trách nhiệm của bên ký kết trong việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam, Nhưng thực tế cho thấy việc thực hiện các hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ đối với nước mà Việt Nam ký hiệp định tương trợ tư pháp có hiệu quả hơn so với các nước mà Việt Nam chưa ký hiệp định tương trợ tư pháp. Trong sáu năm, từ năm 2008-2014, tỷ lệ chung về ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại ra nước ngoài có kết quả (gồm cả nước mà Việt Nam đã ký và chưa ký hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại) là gần 35%, nhưng ủy thác có kết quả ra các nước mà Việt Nam đã ký hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự đạt tỷ lệ 61%).

Hiện nay, trên thực tế đối với ủy thác tư pháp ra và ủy thác tư pháp vào chủ yếu là lấy lời khai của đương sự là bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đa phần các hồ sơ của Việt Nam bên cạnh đề nghị tổng đạt giấy tờ còn có yêu cầu lấy lời khai của đương sự, đặc biệt là bị đơn thì, kết quả thực hiện phải thể hiện rõ việc các cơ quan có thẩm quyền đã sử dụng mọi biện pháp nhưng không thể lấy được lời khai của đương sự. Trong khi đó, tại các nước ký kết, thì trách nhiệm chứng minh thuộc về đương sự, đương sự phải tự cung cấp chứng cứ bảo vệ quyền lợi của mình. Do vậy, các yêu cầu ủy thác tư pháp vào ít hơn. Thực tiễn thực hiện các ủy thác tư pháp ra cho thấy, đa phần cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mới chỉ dừng lại ở việc tổng đạt các giấy tờ, tài liệu cho đương sự. Với kết quả này thì rõ ràng, các tòa án Việt Nam không có đủ cơ sở để giải quyết vụ việc.

Bên cạnh các ủy thác tư pháp về dân sự, ủy thác tư pháp trong các vụ việc thương mại cũng đã phát sinh ngày một tăng, chủ yếu do Tòa án của nước ngoài yêu cầu. Các ủy thác tư pháp loại này chủ yếu là ủy thác tổng đạt giấy tờ thông báo về vụ việc kiện thương mại và mời đương sự đến tham dự phiên tòa giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, hiện nay, xuất hiện yêu cầu thu nhập chứng cứ mới trong giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại là cung cấp thông tin về tài

khoản của đương sự tại ngân hàng. Yêu cầu này chưa phổ biến, hiện nay, mới có 02 yêu cầu của Nga (năm 2011 và năm 2014), 01 yêu cầu của Việt Nam đối với Trung Quốc. Vấn đề xác minh tài khoản của đương sự liên quan đến bảo mật thông tin khách hàng của các ngân hàng nên trong quá trình thực hiện yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền các bên đều rất cẩn trọng. Về yêu cầu của Việt Nam đối với Trung Quốc đã đề nghị Tòa án Việt Nam phải nêu rõ mục đích của yêu cầu, tính cấp thiết, mức độ quan trọng của sự cần thiết thu nhập thông tin. Đối với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cần phải xác định đây là việc cung cấp thông tin phục vụ việc giải quyết vụ việc nên phải có trách nhiệm phối hợp.

Yêu cầu xác minh giấy tờ về hộ tịch (Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh, Giấy chứng sinh, v.v.): Các yêu cầu này đều được Bộ tư pháp Việt Nam chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam như Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn, cơ quan Công an, v.v. để thực hiện và điều đạt 100% kết quả.

Thực hiện cung cấp các thông tin về pháp luật, bản án, quyết định của Tòa án: Các yêu cầu này thường được các nước đã ký điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp với Việt Nam như Cộng hòa Séc, Ba Lan, Trung Quốc, v.v. đề nghị trên cơ sở các công hàm của Đại sứ quán các nước này tại Việt Nam. Việc cung cấp thông tin chủ yếu liên quan đến pháp luật về hộ tịch, hôn nhân và gia đình, công chứng, chứng thực, v.v.. Để thực hiện các yêu cầu này, Bộ Tư pháp Việt Nam sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp hoặc các Bộ, ngành có liên quan trả lời phía nước ngoài. Bên cạnh đó, để giải quyết hững khó khăn vướng mắc liên quan đến các quy định của nước ngoài trong các vụ việc cụ thể, Bộ Tư pháp Việt Nam cũng gửi công hàm đề nghị Đại sứ quán các nước hỗ trợ cung cấp các thông tin.

Về mặt khách quan, việc thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại chưa đạt được kết quả cao như cơ quan có thẩm quyền của các bên mong muốn vì những nguyên nhân chính như sau:

Thứ nhất, hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành chỉ viện dẫn chung chung việc áp dụng các quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, pháp luật tương trợ tư pháp lại còn nhiều khoảng trống so với yêu cầu thực tế, do vậy, cơ sở pháp lý để áp dụng giải quyết các vụ việc cụ thể còn yếu. Nhiều điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại

có một số quy định mà hệ thống pháp luật Việt Nam chưa hoàn toàn đáp ứng hoặc chưa có quy định, trong đó có nhiều nội dung phức tạp, nhạy cảm, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai tổ chức thực hiện.

Thứ hai, số lượng các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại còn ít và độ phủ của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký cũng hẹp (những nước Việt Nam có nhiều yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự, thương mại thì lại chưa có hiệp định, những nước Việt Nam đã ký hiệp định thì số lượng yêu cầu ủy thác tư pháp lại ít) nên không có đủ cơ sở pháp lý yêu cầu phía nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp cho Việt Nam. Ngoài ra, việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại không phát huy tác dụng, vì nhiều nước không yêu cầu Việt Nam bắt buộc phải thực hiện ủy thác tư pháp cho họ. Điều này cho thấy sự cần thiết phải mở rộng phạm vi đàm phán các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp để tạo cơ sở pháp lý thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam.

Thứ ba, sự khác nhau trong quy định pháp luật của các quốc gia về tương trợ tư pháp cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho việc thực hiện các yêu cầu ủy thác tư pháp trong cả bốn lĩnh vực, trong đó có ủy thác pháp về dân sự, thương mại. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp giữa Việt Nam và một quốc gia khác không có điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực này. Do vậy, việc mở rộng ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp với các quốc gia để làm cơ sở pháp lý cho việc phối hợp, hỗ trợ tiến hành các hoạt động tố tụng giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các quốc gia khác là hết sức cần thiết.

Thứ tư, cho đến nay, mặc dù đã có quy định cụ thể về tiêu chí và thủ tục xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động ủy thác tư pháp nhưng Bộ Ngoại giao và các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam lại chưa tiến hành rà soát, qua đó, có những đánh giá tổng thể về việc áp dụng nguyên tắc này trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước ngoài. Trên thực tế để bảo đảm quyền và lợi ích cho các nhân và tổ chức của Việt Nam trong quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam vẫn thực hiện các ủy thác tư pháp của các nước này, không quan tâm đến việc các nước này có thực hiện các yêu cầu của Việt Nam hay không. Điều này, vô hình trung đã tạo ra sự bất bình đẳng trong quan hệ tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài.

Thứ năm, thiếu cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin, tham vấn giữa cơ quan Trung ương của Việt Nam về tương trợ tư pháp với cơ quan trung ương của phía nước ngoài để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện ủy thác tư pháp. Hiện nay, mới chỉ có thỏa thuận về tương trợ tư pháp với lãnh thổ Đài loan (Trung quốc) là có cơ chế tham vấn thường niên giữa hai cơ quan trung ương thực hiện thỏa thuận. Cơ chế này đã phát huy hiệu quả rất tích cực trong việc thực hiện các hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự của hai bên.

Thứ sáu, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất kỹ thuật bố trí cho công tác về tương trợ tư pháp vẫn chưa có sự phát triển tương xứng với yêu cầu của hoạt động này.

Riêng trong lĩnh vực ủy thác tư pháp về dân sự thương mại do những đặc thù nên bên cạnh những nguyên nhân chung nêu trên còn có một số nguyên nhân khác khiến cho kết quả thực hiện ủy thác tư pháp còn hạn chế, đó là: (i) Một số nước thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp trên cơ sở thu phí ủy thác tư pháp (như Hoa kỳ) nhưng phía Việt Nam chưa nắm được quy trình, thủ tục thu, nộp phí để chi trả. Bên cạnh đó, trong nước vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết về phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự. Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 28-8-2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp đã nêu nhưng đến nay vẫn chưa có cơ chế thực hiện; (iii) Do không có đủ nguồn lực về con người cũng như tài chính để trực tiếp tổng đạt hay thuê dịch vụ tại nước sở tại thực hiện nên một tỷ lệ lớn yêu cầu tổng đạt giấy tờ cho công dân Việt Nam ở nước ngoài chỉ được thực hiện dưới hình thức niêm yết tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Vì vậy trong nhiều trường hợp, kết quả trả lời đối với loại ủy thác tư pháp này không đáp ứng yêu cầu của các cơ quan tổ tụng trong nước tại về nội dung. Trong bối cảnh số lượng yêu cầu tổng đạt giấy tờ cho công dân Việt Nam ở nước ngoài chiếm tỷ lệ lớn và ngày càng gia tăng thì việc thực hiện các ủy thác tư pháp loại này cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa và cần có giải pháp để xử lý những vướng mắc trên.

Bên cạnh những hạn chế bất cập như trên, qua thực tiễn công tác tương trợ tư pháp, các cơ quan quản lý nhà nước cũng nhận ra những vấn đề phát sinh từ quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam để từ đó, các điều chỉnh thích hợp về chủ trương và chính sách. Hiện nay, do việc kết hôn của công dân Việt Nam với công dân nước ngoài tăng, các yêu cầu ủy thác tư pháp trong lĩnh vực dân sự,

thương mại có nhiều ủy thác liên quan đến các vấn đề hôn nhân và gia đình thì các hệ lụy pháp lý của quan hệ này cũng tăng mạnh (như ly hôn, tranh chấp về tài sản, quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng...) đòi hỏi các cơ quan nhà nước cần đánh giá và có những biện pháp xử lý

Ngoài ra, thực tế cho thấy, việc ủy thác tư pháp về dân sự thương mại nhiều trường hợp ủy thác cho người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến thừa kế, hôn nhân và gia đình. Việc ủy thác tư pháp trong trường hợp này lại chủ yếu thông qua cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài. Trong khi đó, nhiều trường hợp người Việt Nam ở nước ngoài ít hợp tác hoặc không quan tâm đến quyền và nghĩa vụ của mình theo ủy thác tư pháp hoặc thay đổi địa chỉ hoặc không có địa chỉ rõ ràng, nên việc tổng đạt ủy thác tư pháp rất khó. Đối với các cơ quan đại diện ngoại giao, dù cùng đã cố gắng nhưng do những hạn chế về kinh phí, về nhân lực, về cơ chế pháp lý trong việc tương trợ tư pháp, nên có khó khăn trong việc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc thực hiện các ủy thác tư pháp này.



TTBD ĐBDC